

Lỗ Tấn

LỄ CẦU PHÚC

Dịch giả : Giản Chi

Cuối năm âm lịch, bao giờ cũng có vẻ đúng là cuối năm, ở nơi thôn quận thì thôi khỏi phải nói, cả ở lưng trời cũng thấy hiển hiện cái cảnh tượng “Tết đến sau lưng”. Giữa những đám mây chiều nặng và xám, chốc chốc lại lóe ra một tia sáng, tiếp theo là những tiếng ống lệnh ý âm tiền chân ông Táo về trời, những ống lệnh đốt ở nơi tiếp cận nổ dữ dội hơn, tiếng nổ văng tai còn chưa ngừng, mà trong không khí đã âm ỉ, tản mát mùi thơm thuốc pháo. Tôi về tới quê nhà, Lỗ Trán, đúng vào một đêm như thế. Gọi “quê nhà” là gọi thế thôi, chứ thực ra tôi không còn cửa nhà gì ở đây, bởi vậy cho nên tôi phải đến ở tại nhà ông Tư Lỗ. Ông Tư là người trong họ, đối với tôi là vai trên, đúng ra tôi phải gọi là chú Tư, ông là một viên giám sinh già nghiên về lý học. Người ông trông vẫn không khác xưa mấy, chỉ già hơn đôi chút, nhưng vẫn chưa để râu. Vừa trông thấy tôi, ông vồn vã hàn huyên, hàn huyên xong, ông bảo trông tôi bây giờ béo đấy, bảo tôi béo đấy xong ông liền chửi kịch liệt cái tụi Tân Đảng. Nhưng tôi biết không phải ông mượn cớ để chửi cạnh tôi: là vì người ông chửi vẫn là Khang Hữu Vi đấy. Có điều chuyện trò như vậy lỗ măng và trái cựa quá, cho nên một lát sau, tôi liền một mình lui vào thư phòng.

Sáng hôm sau, tôi dậy rất trễ, cơm trưa xong, tôi đi thăm mấy người bà con và bạn cũ, ngày thứ ba cũng thế. Trông họ cũng không ai khác trước lắm, chỉ già hơn chút ít mà thôi, và nhà nào cũng bận rộn sắm sửa để làm lễ “cầu phúc”. Ở Lỗ Trán này, lễ ấy là lễ to nhất về dịp cuối năm, lễ làm hết sức linh

đình, thành kính để đón Phúc Thần, cầu cho sang năm, cả năm may mắn. Giết gà, mổ ngỗng, mua thịt lợn, cố tâm tắm rửa cho thật kỹ, đàn bà con gái, cánh tay ngâm nước đỏ ửng, có người vẫn còn đeo cả vòng bạc, kéo lỏi xoắn thừng. Nấu nướng xong, đĩa cắm lung tung bên các món ăn, thế là lễ “cầu phúc” rồi đấy, sang canh năm, cỗ bàn bày ra và đèn đốt, nhang dâng để khấn vái “chư vị phúc thần, đồng lai phổ hưởng”, chỉ có đàn ông mới được lễ, lễ xong lễ tự nhiên là lại đốt ống lệnh. Năm nào cũng thế, nhà nào cũng vậy - chỉ cốt mỗi một điều là sửa nôi lễ, mua nôi ống lệnh, thế thôi. Năm nay có nhiên cũng lại thế. Chiều trời u ám hơn, về chiều lại thêm tuyết xuống, bông tuyết có cái to bằng hoa mai pháp phối bay đầy trời, giữa những đám khói, trong một cảnh tượng tấp nập, làm cho Lỗ Trán vẫn ngầu như một vùng hèm rượu. Lúc tôi vào thư phòng của chú Tư, thì trên mái ngói đã trắng những tuyết, ánh vào sáng cả căn buồng, làm nổi bật bức chữ thọ to, màu son, rập nét của Trần Đoàn Lão Tổ, treo trên vách, câu đối thì một vế rơi, cuộn lòng bông để trên một chiếc ghế dài, vế kia vẫn nguyên vị, viết mấy chữ “sự lý thông đạt, tâm lý hòa bình”, tôi lẩn mẩn đến trước cái bàn kê bên cạnh cửa sổ, giở xem thì thấy có chồng sách gì như pho Khang Hy tự điển, chưa chắc đã trọn bộ, một bộ “Cận tư lục tập chú” và một bộ “Tứ thư Thần”. Tôi định bụng thế nào sáng mai tôi cũng ra đi.

Vả lại cứ nghĩ đến cái chuyện hôm qua gặp chị Tường Lâm là đủ làm cho tôi không thể ở yên được nữa. Lúc đó vào buổi chiều, tôi đi thăm một người bạn ở phía đông Lỗ Trán về, ra đến bờ sông thì trông thấy chị, và cứ trông cái khoe mắt chị trùng trùng cũng đủ rõ ràng chị tiến lại để gặp tôi. Trong số những người bạn tôi gặp lại lần này ở Lỗ Trán, thay đổi nhiều nhất có thể nói rằng không ai bằng chị: mái tóc hoa râm năm năm về trước, năm nay đã trắng toát, trông thật chẳng còn vẻ gì là vẻ trên dưới bốn mươi, mặt hốc hác quá, da thì vàng xin ngả đen, cả đến cái vẻ râu rĩ năm xưa, nay cũng mất hết,

trông cứ đực như mặt gỗ, chỉ còn mỗi cặp mắt, đôi lúc chuyển động là còn tỏ ra đó là một vật sống. Một tay chị xách chiếc làn tre, trong có cái bát mẻ không đựng gì, tay kia cầm chiếc gậy trúc đầu dưới toét dài hơn cả người chị, chị bây giờ rõ ràng và hoàn toàn là một mụ ăn mày rồi.

Tôi bèn đứng dừng lại, sẵn sàng đợi chị đến xin tiền.

- Thầy mới về chơi? Chị hỏi tôi trước như thế.

- Phải.

- Thế thì hay quá. Thầy là người có học lại đi nhiều, biết rộng. Tôi đang muốn hỏi thầy một việc. Cặp mắt lơ đãng của chị bỗng sáng hẳn lên.

Câu hỏi hết sức bất ngờ của chị làm tôi chưng hửng.

- Nghĩa là...Chị tiến lại gần thêm vài bước, hạ thấp giọng, và vẻ rất bí mật, nói tiếp một cách rất khẩn thiết: Nghĩa là...Con người ta khi chết rồi, linh hồn có còn hay không?

Tôi rợn người, thấy chị nhìn tôi chòng chọc mà có cảm tưởng như lưng bị gai, lòng bối rối hơn cả khi ở nhà trường, lúc bất thành linh phải thi một bài chưa kịp học mà giáo sư lại nhè đứng ngay bên mình. Linh hồn có hay không, chuyện ấy xưa nay chính tôi, tôi chưa hề nghĩ đến tí nào bao giờ, nhưng lúc này phải trả lời chị, thì phải trả lời làm sao cho xuôi đây? Trong giây phút trù trừ, tôi nghĩ bụng: tục vùng này tin ma quỷ, vậy mà chị này lại nghi ngờ, hay là chị bằng ta nói chuyện hy vọng: hy vọng rằng có, lại hy vọng rằng không...Người ta đã đến bước đường cùng rồi, thì còn làm cho họ thêm đau khổ làm gì, thôi thì bất nhọc, cứ trả lời rằng có đi.

- Cũng có thể là có. Tôi ậm ừ trả lời

- Nếu như vậy thì cũng có địa ngục?

- Ô! Địa ngục ấy à? Tôi rất kinh ngạc và đành trả lời ồm ồm: Địa ngục? Đúng lý ra thì phải có...nhưng mà cũng vị tất...Ai hơi đâu mà để tâm đến những chuyện ấy?

- Thế thì người trong một nhà chết đi đều có thể lại trông thấy mặt nhau?
- Ồ! Thấy được hay không thấy được nhỉ? Lúc đó tôi thấy tôi vẫn chỉ là một người hoàn toàn ngu dốt: đần độn cái gì, tính toán cái gì mà ba câu hỏi đều không kham nổi cả ba. Nghĩ thế, tôi đâm sợ và muốn lật lại mấy câu trả lời vừa rồi:

- Cái đó...Thật ra, tôi không nói rõ được...Thật ra, rốt cuộc, linh hồn có hay không, tôi cũng không nói rõ được.

Thừa lúc chị không hỏi dồn nữa, tôi liền rảo bước, vội vàng chuồn thẳng về nhà chú Tư, trong lòng rất lầy lăm áy náy, tự nghĩ trả lời như thế, e có khi nguy hiểm cho chị. Ý hẳn, trong lúc người ta “cầu phúc”, chị cảm thấy nói mình.

- Thế thì hay quá. Thầy là người có học lại đi nhiều, biết quạnh hiu, nhưng biết đâu chị lại chẳng có một ý nghĩ khác, và nhân câu tôi trả lời mà việc xảy ra thì lời nói của tôi thật phải chịu phần nào trách nhiệm...Nghĩ như vậy, nhưng sau lại tự cười mình, cho rằng câu chuyện tình cờ, chẳng có ý nghĩa sâu xa gì mà mình lại cứ cân nhắc tỉ mỉ, chả trách mấy nhà giáo dục, người ta bảo là lắm cảm, mắc bệnh thần kinh cũng phải, và chẳng đã nói rõ rằng “tôi không nói rõ được” để lật lại tất cả những câu trả lời trước rồi, thì dù có xảy ra việc gì đi nữa, cũng chẳng mảy may dính dấp đến mình.

“Không nói rõ được” là một câu nói cực kỳ được việc. Những người trẻ tuổi cả gan, việc đời chưa trải, thường mạnh bạo giải quyết những điều thắc mắc hộ người, mách thầy mách thuốc vạn nhất xảy ra điều gì không hay thì ơ đâu chưa thấy, thấy ngay oán đổ trên đầu, nhưng một khi đưa cái câu “không nói rõ được” kia ra mà kết luận, thì mọi việc lại êm ru. Trong giờ phút này, tôi càng cảm thấy chỗ cần thiết của cái câu nói ấy, ngay đến nói chuyện với mẹ ăn mày, cũng nhất định không nên trút bớt cái câu ấy đi.

Tuy nhiên, tôi vẫn cứ thất không yên tâm, qua một đêm rồi mà chốc chốc lại

sự nhớ đến câu chuyện và pháp phở như thể sắp có việc gì không lành xảy ra, giữa cảnh trời tuyết âm u, trong cái phòng sách buồn dút, cảm giác thắc mắc áy náy càng thêm mãnh liệt bội phần. Bất nhọc đi thôi, sáng mai lên tỉnh. Món vây cá tần của hiệu “Phúc Hưng Lâu” một đồng một mâm lớn, vừa ngon vừa rẻ, chẳng biết bây giờ đã tăng giá chưa? Bè bạn ăn chơi năm trước, bây giờ bốn phương tan tác, nhưng món vây cá thì không ăn không xong, dù cho có phải chỉ ăn một mình... Bất luận thế nào sáng mai cũng nhất định đi.

Nhân đã nghiệm thấy thường thường những việc tôi chỉ muốn đừng xảy ra đúng như tôi đoán, những việc tôi cho rằng vị tất đã xảy ra như tôi đoán thì lại cứ xảy ra đúng phăm pháp, cho nên việc này, tôi rất sợ cũng như thế mất thôi. Thì y như rằng: sự tình đặc biệt đã chớm, bắt đầu. Chập chiều, tôi thấy nhà trong mấy người xúm nhau lại góp chuyện, hình như bàn tán việc gì nhưng một lát sau lại thấy im bật, chỉ thấy chú Tư vừa đi vừa nói lớn:

- Không sớm, không muộn, nè đúng lúc này...Đủ biết cái giống nhà nó lắm cạm.

Thoạt đầu tôi ngạc nhiên, sau thấy băn khoăn quá, vì câu nói hình như có dính dấp đến tôi. Nhìn thử ra cửa, thì cửa không có ai. Chờ mãi, đến lúc sắp sửa cơm chiều, đưa đầy tớ mướn tạm đến pha trà, tôi mới có dịp dò hỏi:

- Vừa rồi, ông Tư câu ai thế?

- Chị Tường Lâm, chứ ai? Đứa đầy tớ trả lời gọn thon lớn.

- Chị Tường Lâm à? Thế làm sao? Tôi hỏi dồn.

- Cối rồi!

- Chết rồi à? Tim tôi bỗng thất lại, hầu như muốn nhảy lên, mặt chắc cũng biến sắc. Nhưng tại đứa đầy tớ một mực không ngẩng lên, cho nên nó không nhận thấy. Tôi lấy lại bình tĩnh và hỏi tiếp:

- Chết lúc nào?

- Lúc nào? Đêm qua, mà có khi thường sáng nay, tôi không nói rõ được.
- Làm sao mà chết?
- Làm sao mà chết? Nghèo thì chết, chứ còn làm sao? Đứa đầy tớ điềm nhiên trả lời, vẫn không ngẩng đầu nhìn tôi, và cứ thế đi ra.

Tuy vậy, nỗi kinh hoàng của tôi chỉ là chuyện trong chốc lát mà thôi, sau đó, tôi nghĩ: cái việc phải xảy ra bây giờ đã xảy ra rồi, thì thôi chả cần vịn vào cái câu “không nói rõ được” của mình và cái câu “nghèo thì chết” của đứa đầy tớ để tự an ủi, tự tha thứ, lòng tôi cũng đã thấy nhẹ nhõm đi dần dần rồi. Có điều thỉnh thoảng hình như vẫn hơi áy náy. Cơm chiều dọn ra, chú Tư nghiêm nhiên ngồi tiếp tôi. Ý tôi cũng muốn được nghe ít nhiều câu chuyện chị Tường Lâm, nhưng tôi biết: mặc dầu đã đọc qua câu “quỷ thần giả, nhị khí chi lương năng”, chú Tư vẫn còn kiêng kỵ nhiều thứ lắm, gần lúc làm lễ “cầu phúc” mà đem những chuyện chết chóc, ốm đau ra nói với chú, thì thật là tối ư bất khả. Nếu cực chẳng đã, để đành phải dùng những tiếng nói tránh, nói lóng, nhưng khôn nổi, tôi lại không biết những tiếng ấy, thành thử mấy lần toan hỏi mà rồi nửa chừng lại thôi. Thấy vẻ mặt lập nghiêm của chú tôi bỗng sinh nghi: Có lẽ chú thấy tôi không sớm, không muộn, nè đúng hôm nay đến quấy rầy chú thế này, thì chú cũng cho tôi là giống lắm lắm, cho nên lập tức, tôi nói cho chú biết rằng sáng mai tôi sẽ rời Lỗ Trán lên tỉnh, để lòng chú được sớm thoải mái, khỏi bận bịu. Chú không thiết tha nài tôi ở lại. Một bữa cơm ăn tẻ ngắt tẻ ngơ.

Ngày đông vốn ngắn, lại thêm tuyết sa, bóng tối chốc đã bao trùm cả thị trấn. Dưới đèn, mọi người bận rộn, nhưng ngoài sông, cảnh vật rất tịch mịch. Hoa tuyết rơi trên thảm tuyết dày, tiếng kêu rào rào khiến người nghe cảm thấy đìu hiu. Một minh họa bên ngọn đèn dầu lạc ánh lửa vàng khè, tôi nghĩ đến chị Tường Lâm, con người tứ cố vô thân, con người bị thiên hạ quăng vào giữa đồng rác rưởi, cái thứ đồ chơi cũ nát ngấy mắt ấy, trước đây còn phơi

têngh nghênh ra giữa đám nơ nhóp khiến cho những người sống hả hê, có khi phải lấy làm lạ rằng tại sao nó cứ còn mãi đấy, -cái thứ đồ chơi ấy, hiện nay đã được con quý Vô Thường hốt đi rồi. Linh hồn có hay không, tôi không biết; nhưng hãy nói ngay đến cái kiếp này; sống mà không thiết sống thì chết quách, dù chỉ là để cho những người chán mình khỏi phải ngửa mắt thấy mình, chết như thế vừa vì người, vừa vì mình, chết như thế vẫn không phải là lầm lẫn. Vừa lắng nghe tiếng hoa tuyết rơi ngoài song xào xạc, vừa ngẫm nghĩ lan man, tôi thấy lòng tôi như dần dần thư thái lại.

Thế nhưng những điều mắt thấy tai nghe về nửa đời chị Tường Lâm, từ trước đến giờ rời rạc, thì đến đây cũng được nối lại thành một miếng liền. Chị không phải là người Lỗ Trần. Đầu mùa đông năm nọ, nhà chú Tư cần thay đổi đũa tứ gái, bà lão Vệ, là người dất mối, liền đưa chị lại làm thay. Chị đầu quấn cái bện vải trắng, mặc quần thâm, áo kép màu lam, áo cánh nguyệt bạch, tuổi trạc hăm sáu hăm bảy, da mặt xanh vàng, nhưng đôi má thì vẫn đỏ. Bà lão Vệ gọi chị là Tường Lâm và nói chị là lán giềng của nhà mẹ mình, vì chồng chết nên mới phải đi làm mướn. Chú Tư cau mày, thím Tư biết ý chồng không thích mướn người góa bụa, nhưng vì thấy cung cách chị đứng đắn, chân tay vạm vỡ, mắt lại chỉ nhìn xuống, chẳng nói một lời, rõ ra vẻ một người biết phận, chịu khó, cho nên chú Tư cau mày thì mặc chú, thím cứ để cho chị ở lại. Trong thời kỳ thử việc, chị làm suốt ngày, hình như ngồi không thì buồn vậy; gia dĩ sức lực chị khỏe, chẳng thua gì đàn ông, cho nên đến ngày thứ ba thì đã đình xong công xá: mỗi tháng năm trăm đồng tiền. Ai cũng gọi chị là Tường Lâm, không hỏi chị họ gì, nhưng vì bà lão mối là người Vệ Gia Sơn, mà nói chị là lán giềng với bà lão, cho nên có lẽ chị cũng họ Vệ. Chị rất ít lời, ít điều, có ai hỏi mới nói, không thì thôi, mà trả lời cũng chỉ vắn tắt. Mãi đến mười mấy ngày sau mới vỡ dần ra rằng chị ở nhà còn có một mẹ chồng cay nghiệt, và một thằng em chồng hơn mười tuổi

đã đi kiếm được củi, và kém chị mười tuổi, ấy về thân thế chị, người ta chỉ biết có thể thôi.

Tháng ngày đi mau quá, chị không hề trễ nãi công việc, ăn uống thì thế nào xong thôi, và không quản công tiếc sức. Ai cũng bảo: “đầy tớ gái nhà ông Tư chăm chỉ, nhanh nhẹn quá, thật đàn ông không bằng”. Cuối năm, nào quét tước, nào lau chùi, nào giết gà, mổ ngỗng, suốt đêm nấu cỗ “cầu phúc”, trăm việc một tay chị đảm đương chẳng cần mượn tạm thêm người đỡ đần. Thế mà chị lại lấy làm hả hê, khoe miệng dần dần thoáng một nụ cười và mặt mày đã thấy béo trắng ra.

Vừa sang năm mới, lúc chị đi vo gạo ngoài bờ sông về, mặt chị bỗng thất sắc, nói rằng vừa rồi xa xa nhắc thấy một người đàn ông quanh quẩn phía bên kia sông, coi giống ông bác chồng chị lắm e có khi ông ấy đến cốt tìm chị cũng nên. Thím Tư nghi ngại lắm, hỏi gặng cho rõ ngọn ngành, thì chị lại không nói. Chuyện đến tai chú Tư, chú chau mày bảo:

- Hồng! Có lẽ của này nó trốn nhà.

Mà quả chị trốn nhà thật. Không bao lâu, lời suy đoán ấy đúng sự thực.

Sau đó chừng mười lăm ngày, câu chuyện dần dần đã lắng đi, thì bỗng thấy bà lão Vệ đưa một người đàn bà trạc ngoài tam tuần đến, bảo đó là mẹ chồng chị Tường Lâm. Người đàn bà tuy có vẻ sơn cước, nhưng trong lúc ứng thủ, tỏ ra rất ung dung, ăn nói cũng thạo, thăm hỏi xong rồi, thị ngỏ lời xin lỗi, nói mình ra đây là chủ ý gọi con dâu về, vì giêng, hai, công việc bận rộn mà nhà thì neo người, chỉ có một trẻ một già, làm không xuể việc.

Chú Tư nói:

- Nếu mẹ chồng nó cần nó về, thì còn biết nói làm sao nữa!

Thế là tính toán công xá, tất cả một nghìn bảy trăm năm mươi đồng tiền -chị vẫn gửi cả chủ, chưa tiêu đồng nào- giao cả cho người mẹ chồng. Thị này còn xin lại cả quần áo của con dâu, cảm ơn rồi mới bước đi. Lúc đó đã đúng

ngọ.

- Ô kìa, thế gạo đâu? Con Tường Lâm chả đi vo gạo rồi là gì? Một lúc sau, thím Tư mới sực nhớ, giật mình hỏi. Ý chừng ngót dạ, thím đã nhớ đến bữa trưa.

Bấy giờ người ta mới mỗi người mỗi ngả đi tìm cái rá vo gạo. Thoạt đầu, thím chạy xuống bếp, sau lên nhà trên, cuối cùng mới vào buồng ngủ nhưng chẳng thấy bóng vía chiếc rá vo gạo đâu. Chú tư, bước một, đi ra cửa tìm cũng không thấy, đến lúc ra bờ sông, mới thấy ra vẫn ngay ngắn nằm tốt ở đấy, bên cạnh còn cả một cây rau.

Những người được mục kích việc xảy ra mách rằng: buổi sáng có một chiếc thuyền mũi trắng ghé bến, mũi che kín mít, không biết trong có những ai, nhưng lúc chưa xảy ra việc thì không ai để ý đến chiếc thuyền ấy. Tới lúc chị Tường Lâm ra vo gạo, vừa mới quỳ xuống, thì hai người đàn ông trong thuyền vọt nhảy ra, trông có vẻ người sơn cước, một đứa ôm chặt lấy chị, còn đứa kia thì giúp sức, lôi tuột xuống thuyền. Chị Tường Lâm còn khóc và kêu được mấy tiếng, rồi im bật, muôn chừng đã bị chúng lấy cái gì nhét vào miệng. Kế đó, thấy hai người đàn bà chạy lên, một lạ mặt, còn một thì là bà lão Vệ. Dòm vào trong thuyền, trông không được rõ lắm, nhưng hình như chị bị trói, nằm trên sạp thuyền.

Chú Tư nói:

- Khả ô! Nhưng mà...

Hôm ấy, thím Tư phải tự nấu lấy cơm. Thằng con của chú thím, là A Ngưu, phải vào đun bếp. Sau bữa cơm, bà lão Vệ trở lại.

Chú Tư nói:

- Khả ô!

- Thế nghĩa là thế nào? Ghớm cho cái mụ này, còn dám trở lại đây mà trông mặt người ta! Thím Tư đang rửa bát vừa trông thấy bà lão Vệ thì nổi xung

lên nói: “Chính mẹ đưa nó lại, rồi lại chính mẹ hòa với chúng nó mà cướp nó đi, làm lung tung beng cả lên, người ta trông vào còn ra cái thể thống gì? Mẹ muốn bêu giếu nhà tôi để làm trò cười cho thiên hạ phải không?”

- Ôi chao! Ôi chao! Thưa bà, con thật mắc lỡm! Vì thế con mới trở lại đây lần này để thưa lại cho rõ ràng. Chị ấy đến nhờ con kiếm việc hộ, con có biết đâu rằng chị ấy lại giấu mẹ chồng. Xin lỗi ông Tư bà Tư, thật là con lú lẫm, không để ý cẩn thận. Xin lỗi ông chủ, bà chủ, may mà các ngài xưa nay là bậc khoan hồng đại lượng không thêm chấp trách lỗi nhỏ mọn chúng con. Bận này con nhất định đưa lại hầu ông bà một đĩa thật thơm tất để chuộc tội.

Chú Tư nói:

- Nhưng mà...

Thế là cái vụ chị Tường Lâm êm, chả bao lâu người ta cũng quên khuấy đi. Chỉ có thím Tư, vì những đầy tớ mướn sau, đứa thì hay ăn, đứa thì làm biếng, có đứa cả hay ăn lẫn làm biếng, chẳng đứa nào thím vừa ý, cho nên thím vẫn nhắc đến chị Tường Lâm, mỗi lần nhắc đến như thế, thím lại một mình lầm bầm: “Chả biết bây giờ con bé ra sao?” Nghĩa là thím vẫn có ý mong chị trở lại. Nhưng sang giêng năm sau thì thím hết hy vọng.

Tháng giêng sắp hết, bà lão Vệ đến mừng tuổi, rượu đã say khướt, mẹ bảo vừa về Vệ Gia Sơn thăm mẹ, vì ở lại chơi mấy ngày cho nên ra trễ. Trong lúc nói chuyện, lẽ tự nhiên thím Tư và mẹ lại nhắc đến chị Tường Lâm.

- Chị ấy à? Mẹ Vệ vui vẻ nói: Bây giờ đến thời vận rồi. Trước khi đi bắt chị về, bà mẹ chồng đã nhận lời gả chị cho lão Sáu Hạ ở Hạ Gia Úc rồi, cho nên về nhà chưa được mấy ngày đã lên kiệu hoa cho người ta khiêng đi.

- Ôi chao! Mẹ chồng quý thế! Thím Tư lấy làm lạ, nói.

- Ôi chao! Thưa bà, bà là chỗ danh gia vọng tộc thì bà dạy thế, chứ với chúng con, con nhà bách tính, ở nơi sơn cước thì cái đó có hề gì? Chị Tường

Lâm còn có thằng em chồng, nó cũng phải lấy vợ. Nếu không gả bán chị thì lấy tiền đâu mà cưới xin? Mẹ chồng chị thế mà là tay đảm đang sáng suốt tính toán đâu ra đấy cả, nên mới đem gả chị cho người Thượng đấy. Gả cho người trong làng thì tiền cưới chả được mấy đồng. Đàn bà ít ai chịu lấy chồng Thượng, cho nên mới được đến số tám vạn. Hiện giờ thì cưới nàng dâu thứ hai rồi, dẫn cưới hết có năm vạn, trừ tất cả các phí tổn khác về việc vui mừng này, vẫn hầy còn thừa được một vạn. Đấy bà xem, tính toán có giỏi không?...

- Thế mà chị Tường Lâm chịu ư?

- Làm gì có chịu với chẳng chịu ọe ọe giờ quẻ thì ai chẳng ọe ọe giờ quẻ, cứ lấy thùng trói lại ấn vào kiệu hoa khiêng về nhà trai choàng mũ hoa vào đầu, lễ tổ xong, đóng chặt cửa buồng lại là ổn hết. Nhưng chị Tường Lâm thì quả là khác thường, nghe nói lúc đó chị làm thật dữ quá. Người ta đều bảo đại khái chị đã đi ăn đi ở nhà người có học thức cho nên cũng có cái khác người. Thưa bà, chúng con đã thấy nhiều cảnh dở dang ép buộc phải bước đi bước nữa thì giờ đủ trò, thị thì kêu khóc, thị thì nói: chết đi cho rồi, thị thì lúc về đến nhà trai, làm lung tung dở dang cỡ lẽ, thậm chí có thị còn đập cả đuốc hoa. Nhưng chị Tường Lâm thì thật khác thường: họ nói, dọc đường chị một mực la ó, chửi bới, lúc về đến Hạ Gia Úc thì cổ đã khản đặc, kéo chị ở kiệu ra, hai người đàn ông và thằng em chồng cố sức giữ chặt lấy chị mà vẫn không làm nổi lẽ: họ vừa lơ đễnh xồng tay một cái là ôi thôi, A di đà phật! Chị đã đập ngay đầu vào góc hương án, thùng hoắm một miếng tường, máu tươi tung tóe, dịt đến hai năm tàn nhang, buộc cả hai vuông vải đỏ mà máu vẫn không cầm. Cho đến lúc xúm nhau đun chị ta cho bằng được vào “động phòng” với chú rể, khóa trái cửa lại rồi, mà chị vẫn cứ chửi. Ôi chao! thật là... Mụ Vệ lắc đầu, nhìn xuống, không nói nữa.

- Thế rồi ra sao? Thím Tư hỏi tiếp.

Mụ Vệ ngược mặt lên đáp:

- Nghe nói nằm cả ngày hôm sau không dậy.

- Thế rồi sao nữa?

- Rồi sao? Dậy! Cuối năm đẻ con, con giai, sang năm mới này hai tuổi rồi.

Mấy hôm con ở lại chơi bên má con, có người đến Hạ Gia Úc về nói chuyện có trông thấy mẹ con chị, mẹ cũng béo tốt, con cũng béo tốt, nhà lại không có mẹ chồng, chồng lại là người sức vóc biết đường làm ăn, mà nhà lại là nhà của mình. Ấy à, đến lúc khá rồi!

Từ đó, thím Tư cũng không nhắc đến chị Tường Lâm nữa.

Nhưng vào khoảng cuối thu, sau khi được nghe cái tin “đến lúc khá rồi” ấy chừng hai cái tết, bỗng lại thấy chị Tường Lâm đứng trước thềm nhà chú Tư. Chiếc làn tròn hình củ mã -thầy của chị, chị để trên một chiếc bàn, còn bọc chăn áo thì chị để dưới mái hiên. Đầu vẫn cuốn cái bện trắng, vẫn mặc quần thâm, áo kếp lam, áo cánh nguyệt bạch, mặt vẫn xanh vàng, duy có đôi má thì không còn huyết sắc nữa, mắt vẫn nhìn xuống, kẻ mắt có ngấn lệ in, mà mắt cũng không được tinh thần như trước. Mà lần này, cũng lại bà lão Vệ dẫn đến, mặt mụ làm ra bộ từ bi, mụ kể lể với thím Tư:

-...Đúng câu người ta nói: “gió mây biến đổi khôn lường”, chồng chị người khỏe mạnh thế, đang lúc đầu xanh tuổi trẻ, có ngờ đâu lại nửa đời nửa đoạn với bệnh thương hàn, ốm đã khỏi rồi, đi ăn cảm nguội vào, thành ra phải lại. May mà có được mụn con, chị lại đảm: kiếm củi, hái trà, nuôi tằm, làm được cả. Kể ra cứ thế ở vậy thì cũng được. Có ngờ đâu đứa bé lại bị chó sói tha mất. Cuối mùa xuân vừa rồi, ai biết đâu chó sói còn về? Bây giờ, trơ trọi một thân một mình. Bác chồng lại đuổi đi để lấy nhà. Thật là hết đường, chỉ còn cách là đến nhờ chủ cũ. Được cái, bây giờ, chị không còn bị vướng víu gì nữa, mà trong nhà ta đây lại vừa hay đang lúc muốn thay người, cho nên con đưa chị lại. Con thiết nghĩ, mượn người đã thuộc đường quen ngõ rồi, thực

ra bao giờ cũng hơn mượn người lạ nước lạ cái nhiều.

- Con thật là ngu dại, ngu dại thật. Chị Tường Lâm ngược cặp mắt lơ đãng, nói tiếp: Con chỉ biết là mùa tuyết xuống trong núi không có mồi, thì thú dữ về bản, con không biết rằng mùa xuân nó cũng về được. Một hôm, vừa tảng sáng, con mở cửa, lấy đồ bỏ vào một chiếc làn con, bảo thằng Mao của chúng con cầm ra ngồi ngạnh cửa mà bóc vỏ. Thằng cháu Mao để bảo lăm cơ, con bảo sao, cháu nghe vậy, cháu chạy ra cửa, còn con thì chẻ củi, vo gạo ở sau nhà, đổ gạo vào nồi rồi, mới tính luộc đồ. Con gọi “A Mao”, nhưng mà không thấy cháu thừa, chạy ra xem thì chỉ thấy đồ vãi tung tóe đầy đất, chứ không thấy cháu Mao của chúng con đâu cả. Cháu là đứa không hay chạy sang nhà người khác chơi, con sang hỏi các nhà thì không thấy cháu thật. Con cuống quýt nhờ người đồ đi tìm. Cho đến quá trưa, tìm đi tìm lại, vào tận hóc núi, thì thấy, một chiếc giày con mắc trên một bụi gai. Mọi người đều bảo: Hồng rồi, có lẽ bị với chó sói rồi. Đi sâu vào nữa, quả nhiên thấy cháu nằm sóng sượt giữa một cái hang cỏ, lòng gan bị ăn sạch, còn toang hoang mỗi cái bụng không, tay cháu vẫn nắm chặt cái làn con...

Chị nói tiếp, nhưng nghẹn ngào, không nên câu.

Thoạt đầu thím Tư còn trù trù, nhưng đến lúc nghe kể xong câu chuyện thì mắt thím đỏ hoe. Ngẫm nghĩ một lát, thím bảo mang cái làn tròn và bọc chăn áo xuống nhà dưới. Mụ Vệ thở phào một cái, như vừa cất được gánh nặng, chị Tường Lâm thì có vẻ xối xang hơn lúc mới đến một chút, và không đợi ai chỉ dẫn, chị tự mang chăn áo vào để gọn gàng một nơi. Từ đó, chị lại ở cho thím Tư.

Người ta vẫn gọi chị là chị Tường Lâm.

Nhưng, lần này cảnh ngộ chị thay đổi rất nhiều, nhiều phi thường. Chị vào làm được vài ba ngày, thì chủ nhà nhận thấy chị không còn nhanh chân lẹ tay như trước nữa, trí nhớ cũng suy sút nhiều, mặt đã như thầy ma, mà cả

ngày lại không thấy bóng dáng một nụ cười, trong lời ăn tiếng nói của thím Tư, đã thấy lộ chút bất mãn. Lúc chị mới đến, chú Tư tuy vẫn chiếu lệ chau mày, nhưng xét vì xưa nay mướn người đầy tớ gái là một việc không dễ gì, nên chú cũng không phản đối lắm, chỉ dặn ngầm thím Tư rằng tuy những quân ấy có lẽ rất đáng thương, nhưng họ đã làm bại hoại gia phong, dùng họ đỡ đàn công việc thì còn được, chứ việc cúng bái thì chớ để chúng mó tay vào, nhất thiết cỗ bàn, tự tay mình làm lấy là hơn, nếu không thì, uế tạp thế, ông bà ông vải nào ăn.

Việc hệ trọng nhất trong nhà chú Tư là việc cúng vái. Xưa kia, những ngày lễ bái là ngày chị Tường Lâm rất bận, bây giờ những ngày ấy lại là những ngày chị rảnh rang. Bàn kê giữa nhà, màn treo trên bàn, chị hãy còn nhớ và chiếu lệ toan bày rượu, đặt đĩa như xưa. Thím Tư vội hét:

- Chị Tường Lâm để đấy! Tôi bày.

Chị Tường Lâm vội vàng rút tay lại, đi lấy cây đèn cắm nến.

Thím Tư vội thét:

- Chị Tường Lâm để đấy! Tôi lấy.

Chị loanh quanh mấy vòng, rốt cuộc chả có việc gì mà làm, đành lánh ra chỗ khác, lòng sinh ngờ vực. Ngày hôm ấy chị không làm được một việc gì khác, ngoài việc ngồi đun bếp ra.

Người trong trấn vẫn gọi chị là chị Tường Lâm, nhưng gọi với một giọng điệu rất khác trước, họ vẫn chuyện trò với chị, nhưng với vẻ cười của họ bây giờ lạnh lùng. Chị không hề để ý đến những chỗ đó, cứ là ngược mắt lên mà kể cho hết mọi người nghe cái câu chuyện của mình –câu chuyện suốt ngày ấy qua đêm khác chị không sao quên được.

Chị nói:

“Con thật là ngu dại! ngu dại thật! Con chỉ biết là mùa tuyết xong, trong núi không có môi thì thú dữ mới về bản, con không biết rằng mùa xuân nó cũng

về được. Một hôm, vừa tảng sáng, con mở cửa, lấy đồ bỏ vào một chiếc làn con, bảo thằng Mao của chúng con cầm ra ngồi ngạnh cửa mà bóc vỏ. Thằng cháu Mao dễ bảo lắm cơ, con bảo sao, cháu nghe vậy, cháu chạy ra cửa, còn con thì chẻ củi, vo gạo ở sau nhà, đổ gạo vào nồi rồi, mới tính luộc đồ. Con gọi “A Mao”, nhưng mà không thấy cháu thừa, chạy ra xem thì chỉ thấy đồ vãi tung tóe đầy đất, chứ không thấy cháu Mao của chúng con đâu cả. Cháu là đứa không hay chạy sang nhà người khác chơi, con sang hỏi các nhà thì không thấy cháu thật. Con cuống quýt nhờ người đồ đi tìm. Cho đến quá trưa, tìm đi tìm lại, vào tận hốc núi, thì thấy, một chiếc giày con mắc trên một bụi gai. Mọi người đều bảo: Hồng rồi, có lẽ bị với chó sói rồi. Đi sâu vào nữa, quả nhiên thấy cháu nằm sóng sượt giữa một cái hang cỏ, lòng gan bị ăn sạch, còn toang hoang mỗi cái bụng không, tay cháu vẫn nắm chặt cái làn con... Nói đến đây, chị ghen ngào thổn thức, nước mắt trào ra.

Câu chuyện ấy thế mà công hiệu đảo đẽ, bọn đàn ông nghe kể đến đó thường hết tươi cười, hết thú, bỏ đi, còn bọn đàn bà thì chẳng những có vẻ khoan dung đối với chị, nét mặt lập tức hết cả vẻ khùng khỉnh, mà họ còn khóc theo hết khối nước mắt nữa. Có những bà già, không được nghe chị kể ngoài đầu đường, phải cố tình tìm đến nghe câu chuyện thảm thương ấy. Đến lúc chị thổn thức thì các cụ đều không cầm nổi những giọt nước mắt chạy quanh, các cụ thở than một hồi, rồi thỏa thuê ra về, vừa đi vừa bàn tán tíu tít. Chị cứ thế kể đi kể lại câu chuyện bi thảm, nó thường hấp dẫn dăm ba người đứng lại nghe.

Nhưng chẳng bao lâu người nghe đều thuộc lòng câu chuyện, đến cả những bà tụng kinh niệm phật, từ bi nhất hạng, bây giờ cũng không còn một tí dấu vết nước mắt. Về sau, tất cả người trong trấn hầu như đều thuộc lòng những câu chị nói, hễ nghe đến là họ chán ngấy phát nhức đầu.

- Con thật là ngu dại! ngu dại thật! Chị mở đầu.

- Phải rồi! “Con chỉ biết là mùa tuyết xuống, trong núi không có mồi thì thú dữ mới về bản...” Rồi họ bỏ đi.

Chị há hốc mồm, chưng hửng ngược mắt nhìn theo, rồi cũng đi nốt, tựa hồ chính mình cũng thấy mất thú rồi. Tuy nhiên, chị vẫn cứ vớ vẩn, vẫn mong nhân một câu chuyện gì đó -chẳng hạn như chuyện một năm đậu, chuyện một cái làn con, chuyện một đứa trẻ nhà ai- để gọi câu chuyện thằng Mao của mình. Hễ trông thấy đứa trẻ nào độ vài ba tuổi là chị nói:

- Ôi chào! Giá cháu Mao nhà chúng con mà còn, thì cháu cũng bằng từng ấy rồi...

Trẻ con thấy cái mắt chị nhìn là sợ khiếp, túm ngay áo mẹ mà lôi đi. Thế là chị lại chỉ còn trơ mỗi một mình, rớt cuộc rồi chán, chị cũng đi nốt. Về sau, người ta cũng lại thuộc tính tình chị, cứ động trông thấy trước mặt có đứa trẻ nào là họ lại mồm mím hỏi chị trước:

- Này chị Tường Lâm! Giá thằng Mao nhà chị mà còn thì nó đã bằng từng ấy đấy nhỉ?

Và tất nhiên chị đã hiểu rằng nỗi đau thương của mình, bấy nay thiên hạ nhiều ngày nhai hít, thường thức chán rồi, bây giờ chỉ còn là cái bã, thì nó chỉ đáng cho người ta chán mứa và nhổ toẹt đi, thế nhưng trên cái vẻ mỉm cười của thiên hạ, chị hình như cũng cảm thấy có cái gì vừa lạnh vừa nhọn, đã thế thì còn mở miệng mà làm gì. Chị chỉ nhìn họ một cái, chứ tịnh không một lời đáp lại.

Lỗ Trán ăn tết, hết năm nọ đến năm kia, cứ từ hai mươi tháng chạp trở đi là bắt đầu bận rộn. Lần này, nhà chú Tư phải mượn một đứa ở trai làm buổi, mà việc làm vẫn không xuê, phải gọi thêm mụ Liễu là người tu hành ăn chay kiêng sát sinh, chỉ chịu rửa bát đĩa, ẩm chén thôi. Chị Tường Lâm thì, ngoài việc đun bếp ra, chẳng còn việc gì khác, chỉ ngồi xem mụ Liễu làm. Những cánh tuyết nhỏ rơi lưa thưa.

- Ôi chao! Con thật ngu dại...Chị Tường Lâm nhìn trời, thở dài lẩm bẩm như nói một mình.

Mụ Liễu bực mình, nhìn vào mặt chị, bảo:

- Chị Tường Lâm lại thế rồi đấy. Tôi hỏi chị: chứ cái sẹo ở cái góc trán chị đó, có phải độ ấy chị đập ra không?

Chị Tường Lâm âm ừ trả lời:

- Ờ...ờ...

- Thế tôi hỏi chị, độ đó tại sao, về sau, chị lại chịu nhỉ?

- Tôi ấy à?

- Phải, chị ấy. Tôi tưởng chính chị cũng muốn chết đi, nếu không thì...

- “Ồ, ồ...bà thử xem xem!” Chị cười.

Cái mặt nhăn nheo của mụ Liễu cũng cười theo, trông co rúm lại như một cái hạt đào! Đôi mắt ti hí và héo hắt của mụ cứ một lần nhìn cái sẹo lại một lần nhìn vào mặt chị, làm chị ngượng hết cả người, vờ quay ra nhìn tuyết rơi...

Mụ Liễu làm ra vẻ bí mật nói:

- Chị Tường Lâm ạ, thật ra chị tính hớ. Ráng thêm một tí, đã thế thì đập nữa cho thật chết có phải hay không. Bước đi bước nữa, ăn ở với chồng sau được hai năm bây giờ thành ra mang cái tội to tướng. Chị nghĩ mà xem, mai sau chị sẽ thác xuống âm phủ, hai con ma đực kia sẽ tranh giành nhau, thì chị biết nhận ai, đừng ai cho phải? Diêm Vương chỉ còn cách là đưa chị ra làm đôi mà chia cho chúng nó. Ta tưởng thế thì thực là...

Vẻ sợ hãi hiện rõ trên nét mặt chị Tường Lâm. Đây là một điều khi còn ở nơi sơn thôn, chị chưa từng bao giờ được biết.

- Ta tưởng nên sớm lo chống đỡ đi là hơn, chị đến ngay miếu thổ địa mà quỳ vào đó một cái ngạch cửa, thế cho mình để nghìn người dẫm lên, muôn người bước qua thì mới chuộc được cái tội kiếp này, chết đi khỏi khổ.

Ngay lúc ấy, chị Tường Lâm không trả lời ra sao, nhưng coi vẻ chị buồn khổ khác thường; sáng hôm sau dậy, hai mắt chị thâm quầng. Cơm sáng xong, chị chạy lại ngôi miếu thổ địa ở phía tây Lỗ Trấn để xin quyền một chiếc ngạch cửa. Lúc đầu, ông từ khăng khăng không bằng lòng. Mãi đến lúc chị lo buồn đến phát khóc, ông ta mới miễn cưỡng chịu nhận lời. Số tiền phải nộp là mười hai ngàn đồng tiền.

Đã lâu, chị không chuyện trò với ai cả, vì cái đề tài “thằng Mao” người ta nghe ngấy rồi; nhưng từ hôm mụ Liễu tán phieu với chị đến nay, hình như có tiếng đồn đi hay sao mà nhiều người lại thấy mới, họ chỉ toàn nói chuyện về cái sẹo trên trán chị thôi.

- Này chị Tường Lâm, tôi hỏi chị nhá: “Tại sao ngày ấy chị lại chịu”. Một người hỏi.

Người khác vừa nhìn cái sẹo, vừa nói góp:

- Ôi chao! Tiếc quá, mất toi cái đập đầu không!

Cứ nhìn cái vẻ cười, nghe cái giọng nói của họ, đại khái chị cũng đã biết họ đang chế giễu mình, cho nên chị chỉ trừng mắt chứ không trả lời nửa câu, về sau, chị chẳng buồn đến cả ngoảnh đầu lại. Suốt ngày, đôi môi mím chặt với cái sẹo ở trán – cái sẹo mọi người coi như một dấu vết điểm nhục-, chị lẳng lặng quét nhà, lẳng lặng vo gạo, rửa rau. Gần đây năm, chị nhận của thím Tư giao tận tay số tiền công từ trước dồn lại, tính ra tiền tây được mười hai đồng, và xin nghỉ để đi đến đảng phía tây thị trấn. Nhưng ước chừng chưa ăn xong bữa cơm thì đã thấy chị trở về, thần khí rất thư thái, con mắt cũng tinh táo hơn nhiều, có vẻ như thích chí, chị nói cho thím Tư biết rằng, chị đích thân đã đến miếu thổ địa quyền cái ngạch cửa.

Gặp kỳ tế tổ vào dịp Đông chí, chị càng ra sức làm lụng, thấy thím Tư bày biện lễ vật và cùng thằng Ngưu khiêng bàn ra kê giữa nhà, chị thản nhiên chạy đi lấy bát đĩa và chén nậm, thì thím Tư vội thét:

- Để đây, chị Tường Lâm!

Chị rút vội tay như người phải bỏng, đồng thời mặt xám đi và cũng không đi lấy cây đèn nền nữa, cứ thế đứng đờ người ra. Đến lúc chú Tư lên đèn hương, bảo chị tránh ra chỗ khác, chị mới bỏ đi. Lần này thì chị thay đổi khác thường, hôm sau, không những mắt chị sâu hoắm xuống, cả đến tinh thần cũng suy sụp. Và chị sinh ra rất nhút nhát, không những sợ đêm tối, sợ bóng đen mà thấy người cũng sợ nữa: trông thấy chủ mình mà cũng lấm lét như chuột ngày, nếu không thì lại ngồi đực ra như bụi mọc vậy. Chưa được nửa năm, đầu tóc chị nhuộm bạc, trí nhớ lại càng tồi, thậm chí thường quên cả đi vo gạo.

- Chị Tường Lâm làm sao thế nhỉ? Biết thế thì trước chả giữ lại cho xong! Có lúc thím Tư nói ngay vào mặt chị như vậy, có ý cảnh cáo để chị coi chừng.

Nhưng chị vẫn cứ thế, hết đường trông mong nhanh nhẩu trở lại. Nhà chủ bèn tính chuyện cho chị về với mẹ Vệ. Lúc tôi còn ở Lỗ Trán thì mới tỉnh vậy thôi. Tuy nhiên cứ xem xem cung cách thì thế nào ý định ấy rồi cũng thành sự thực. Nhưng ở nhà thím Tư ra, chị đi ăn mày ngay, hay là sau khi về nhà mẹ Vệ rồi chị mới đi ăn mày, thì điều đó tôi không rõ được.

Pháo lệnh nổ gần, kêu to quá, làm tôi thức giấc, đèn lửa trong nhà trông như hạt đỗ vàng to, kể đến là những tràng pháo dây từng hồi lạch tạch: chú Tư làm lễ “cầu phúc” đấy, chắc sắp sang canh năm rồi. Dưới ánh đèn mung lung, tôi nằm lắng nghe tiếng ống lệnh nơi xa vắng vắng nổi liên hồi, hình như nó hợp thành một vòm mây đặc vang rộ âm thanh, xen lẫn với những đám hoa tuyết bay múa phấp phới mà ôm ấp lấy cả cái thị trấn này. Giữa những tiếng ồn ào bao phủ lấy mình, tôi có cái cảm giác lạn tạn mà cũng như thư thái, bao nhiêu nỗi ngờ lo, từ sáng sớm đến chập tối, bây giờ trút sạch cả vào bầu không khí “cầu phúc”, để chỉ còn thấy như trời đất, quỷ thần, sau

khi phối hưởng tất cả lợn, rượu, hương, hoa, phút này say khước, đang la đà
loạng choạng, cùng sửa soạn ban cho lũ người Lỗ Trán một nguồn hạnh
phúc vô biên.

(1924)